

**BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**  
**CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2025**

(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

**THÔNG TIN HÀNH CHÍNH**

- a. Tên bệnh viện: BỆNH VIỆN QUỐC TẾ CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH SÀI GÒN  
b. Địa chỉ: 305 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh  
c. Tuyến: 5.Ngoài công lập  
d. Hạng: Hạng III  
e. Họ và tên Giám đốc bệnh viện: Nguyễn Thành Tâm  
f. Họ và tên thư ký Hội đồng kiểm tra: Nguyễn Ái Nữ  
g. Điện thoại liên hệ: 0923273618  
h. Địa chỉ Email: qlcl.saigonito@gmail.com

**TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN**

|                                                |                          |
|------------------------------------------------|--------------------------|
| 1. TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: | 75/83 TIÊU CHÍ           |
| 2. TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ:  | 90%                      |
| 3. TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG:      | 295 ĐIỂM (Có hệ số: 313) |
| 4. ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ:     | 3.86 ĐIỂM                |

| KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC:   | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 | Tổng số tiêu chí |
|--------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|------------------|
| 5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:      | 1     | 4     | 16    | 32    | 22    | 75               |
| 6. TỶ LỆ CÁC MỨC ĐẠT ĐƯỢC (%): | 1.33  | 5.33  | 21.33 | 42.67 | 29.33 | 75               |

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN

(ký tên)



Nguyễn Ái Nữ

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

(ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thành Tâm

# KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

## 1. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

| STT | PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG                     |                                                                                                                               | Điểm |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|     | <b>PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)</b>                          |                                                                                                                               |      |
|     | <b>CHƯƠNG A1. CHỈ DẪN, ĐÓN TIẾP, HƯỚNG DẪN NGƯỜI BỆNH (6)</b>     |                                                                                                                               |      |
| 1   | A1.1                                                              | Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn khoa học, cụ thể                                                       | 5    |
| 2   | A1.2                                                              | Người bệnh, người nhà người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật | 5    |
| 3   | A1.3                                                              | Cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh                                                                  | 5    |
| 4   | A1.4                                                              | Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời                                                                   | 4    |
| 5   | A1.5                                                              | Người bệnh được làm các thủ tục đăng ký, khám bệnh theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên                     | 4    |
| 6   | A1.6                                                              | Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện            | 3    |
|     | <b>CHƯƠNG A2. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ NGƯỜI BỆNH (5)</b> |                                                                                                                               |      |
| 7   | A2.1                                                              | Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường                                                                     | 5    |
| 8   | A2.2                                                              | Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện                                                       | 4    |
| 9   | A2.3                                                              | Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt                                                     | 5    |
| 10  | A2.4                                                              | Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý                                            | 4    |
| 11  | A2.5                                                              | Người khuyết tật được tiếp cận đầy đủ với các khoa, phòng và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện                          | 3    |
|     | <b>CHƯƠNG A3. ĐIỀU KIỆN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH (2)</b>               |                                                                                                                               |      |
| 12  | A3.1                                                              | Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp                                                          | 2    |
| 13  | A3.2                                                              | Người bệnh được khám và điều trị trong khoa, phòng gọn gàng, ngăn nắp                                                         | 5    |
|     | <b>CHƯƠNG A4. QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI BỆNH (6)</b>             |                                                                                                                               |      |
| 14  | A4.1                                                              | Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị                                                         | 4    |
| 15  | A4.2                                                              | Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư                                                                                      | 5    |
| 16  | A4.3                                                              | Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác                                                      | 4    |
| 17  | A4.4                                                              | Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế                                                                       | 0    |
| 18  | A4.5                                                              | Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời                | 5    |

| STT | PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG                          |                                                                                                    | Điểm |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19  | A4.6                                                                   | Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp | 5    |
|     | <b>PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN(14)</b>                 |                                                                                                    |      |
|     | <b>CHƯƠNG B1. SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (3)</b>            |                                                                                                    |      |
| 20  | B1.1                                                                   | Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện                                                    | 5    |
| 21  | B1.2                                                                   | Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện                                             | 5    |
| 22  | B1.3                                                                   | Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp và xác định vị trí việc làm của nhân lực bệnh viện            | 5    |
|     | <b>CHƯƠNG B2. CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC (3)</b>                        |                                                                                                    |      |
| 23  | B2.1                                                                   | Nhân viên y tế được đào tạo liên tục và phát triển kỹ năng nghề nghiệp                             | 4    |
| 24  | B2.2                                                                   | Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức                                      | 5    |
| 25  | B2.3                                                                   | Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực                                 | 5    |
|     | <b>CHƯƠNG B3. CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VÀ ĐIỀU KIỆN, MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC (4)</b> |                                                                                                    |      |
| 26  | B3.1                                                                   | Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế                                   | 4    |
| 27  | B3.2                                                                   | Bảo đảm điều kiện làm việc và vệ sinh lao động cho nhân viên y tế                                  | 4    |
| 28  | B3.3                                                                   | Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện                         | 5    |
| 29  | B3.4                                                                   | Tạo dựng môi trường làm việc tích cực và nâng cao trình độ chuyên môn                              | 5    |
|     | <b>CHƯƠNG B4. LÃNH ĐẠO BỆNH VIỆN (4)</b>                               |                                                                                                    |      |
| 30  | B4.1                                                                   | Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai                            | 4    |
| 31  | B4.2                                                                   | Triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo dành cho bệnh viện                                            | 4    |
| 32  | B4.3                                                                   | Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện                                                | 3    |
| 33  | B4.4                                                                   | Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận                                           | 5    |
|     | <b>PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)</b>                               |                                                                                                    |      |
|     | <b>CHƯƠNG C1. AN NINH, TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN CHÁY NỔ (2)</b>              |                                                                                                    |      |
| 34  | C1.1                                                                   | Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện                                                                 | 4    |
| 35  | C1.2                                                                   | Bảo đảm an toàn điện và phòng cháy, chữa cháy                                                      | 4    |
|     | <b>CHƯƠNG C2. QUẢN LÝ HỒ SƠ BỆNH ÁN (2)</b>                            |                                                                                                    |      |
| 36  | C2.1                                                                   | Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học                                                 | 5    |
| 37  | C2.2                                                                   | Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học                                              | 4    |
|     | <b>CHƯƠNG C3. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Y TẾ (2)</b>                         |                                                                                                    |      |
| 38  | C3.1                                                                   | Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế                                                        | 3    |
| 39  | C3.2                                                                   | Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn         | 3    |
|     | <b>CHƯƠNG C4. PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN (6)</b>              |                                                                                                    |      |
| 40  | C4.1                                                                   | Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn                                             | 3    |

| STT                                                               | PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG |                                                                                                               | Điểm |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41                                                                | C4.2                                          | Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện            | 4    |
| 42                                                                | C4.3                                          | Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ vệ sinh tay                                                      | 5    |
| 43                                                                | C4.4                                          | Giám sát, đánh giá việc triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện                                      | 3    |
| 44                                                                | C4.5                                          | Chất thải rắn y tế được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định                        | 0    |
| 45                                                                | C4.6                                          | Chất thải lỏng y tế được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định                       | 0    |
| <b>CHƯƠNG C5. CHẤT LƯỢNG LÂM SÀNG (5)</b>                         |                                               |                                                                                                               |      |
| 46                                                                | C5.1                                          | Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật                                                          | 0    |
| 47                                                                | C5.2                                          | Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới                                            | 1    |
| 48                                                                | C5.3                                          | Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng | 4    |
| 49                                                                | C5.4                                          | Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị                                                                  | 4    |
| 50                                                                | C5.5                                          | Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện                            | 3    |
| <b>CHƯƠNG C6. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH (3)</b> |                                               |                                                                                                               |      |
| 51                                                                | C6.1                                          | Hệ thống quản lý điều dưỡng được thiết lập đầy đủ và hoạt động hiệu quả                                       | 3    |
| 52                                                                | C6.2                                          | Người bệnh được tư vấn, giáo dục sức khỏe khi điều trị và trước khi ra viện                                   | 4    |
| 53                                                                | C6.3                                          | Người bệnh được theo dõi, chăm sóc phù hợp với tình trạng bệnh và phân cấp chăm sóc                           | 4    |
| <b>CHƯƠNG C7. DINH DƯỠNG VÀ TIẾT CHẾ (5)</b>                      |                                               |                                                                                                               |      |
| 54                                                                | C7.1                                          | Hệ thống tổ chức thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế được thiết lập đầy đủ                              | 2    |
| 55                                                                | C7.2                                          | Bảo đảm cơ sở vật chất thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế                                              | 2    |
| 56                                                                | C7.3                                          | Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện                             | 4    |
| 57                                                                | C7.4                                          | Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý                                               | 4    |
| 58                                                                | C7.5                                          | Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện                       | 2    |
| <b>CHƯƠNG C8. CHẤT LƯỢNG XÉT NGHIỆM (2)</b>                       |                                               |                                                                                                               |      |
| 59                                                                | C8.1                                          | Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm theo phân tuyến kỹ thuật                                            | 3    |
| 60                                                                | C8.2                                          | Thực hiện quản lý chất lượng các xét nghiệm                                                                   | 3    |
| <b>CHƯƠNG C9. QUẢN LÝ CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG THUỐC (6)</b>           |                                               |                                                                                                               |      |
| 61                                                                | C9.1                                          | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động được                                                           | 3    |
| 62                                                                | C9.2                                          | Bảo đảm cơ sở vật chất và các quy trình kỹ thuật cho hoạt động được                                           | 4    |

| STT                                                                      | PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG |                                                                                                                     | Điểm |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 63                                                                       | C9.3                                          | Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng                                         | 4    |
| 64                                                                       | C9.4                                          | Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý                                                                                       | 4    |
| 65                                                                       | C9.5                                          | Thông tin thuốc, theo dõi và báo cáo phản ứng có hại của thuốc kịp thời, đầy đủ và có chất lượng                    | 4    |
| 66                                                                       | C9.6                                          | Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả                                                     | 4    |
| <b>CHƯƠNG C10. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2)</b>                               |                                               |                                                                                                                     |      |
| 67                                                                       | C10.1                                         | Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học                                                                   | 3    |
| 68                                                                       | C10.2                                         | Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào việc cải tiến chất lượng khám, chữa bệnh và nâng cao hoạt động bệnh viện    | 4    |
| <b>PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)</b>                        |                                               |                                                                                                                     |      |
| <b>CHƯƠNG D1. THIẾT LẬP HỆ THỐNG VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (3)</b>          |                                               |                                                                                                                     |      |
| 69                                                                       | D1.1                                          | Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện                                                                     | 5    |
| 70                                                                       | D1.2                                          | Xây dựng, triển khai kế hoạch và đề án cải tiến chất lượng                                                          | 4    |
| 71                                                                       | D1.3                                          | Xây dựng văn hóa chất lượng bệnh viện                                                                               | 4    |
| <b>CHƯƠNG D2. PHÒNG NGỪA CÁC SỰ CỐ VÀ KHẮC PHỤC (5)</b>                  |                                               |                                                                                                                     |      |
| 72                                                                       | D2.1                                          | Phòng ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh                                                  | 4    |
| 73                                                                       | D2.2                                          | Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục                              | 4    |
| 74                                                                       | D2.3                                          | Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa                                                   | 4    |
| 75                                                                       | D2.4                                          | Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ                                                          | 3    |
| 76                                                                       | D2.5                                          | Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã                                                                          | 5    |
| <b>CHƯƠNG D3. ĐÁNH GIÁ, ĐO LƯỜNG, HỢP TÁC VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (3)</b> |                                               |                                                                                                                     |      |
| 77                                                                       | D3.1                                          | Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện                                             | 3    |
| 78                                                                       | D3.2                                          | Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện                                                                  | 5    |
| 79                                                                       | D3.3                                          | Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện | 3    |
| <b>PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA (4)</b>                          |                                               |                                                                                                                     |      |
| <b>CHƯƠNG E1. TIÊU CHÍ SẢN KHOA</b>                                      |                                               |                                                                                                                     |      |
| 80                                                                       | E1.1                                          | Thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh                                                             | 0    |
| 81                                                                       | E1.2                                          | Hoạt động truyền thông về sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em                                                 | 0    |
| 82                                                                       | E1.3                                          | Thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ                                                                                  | 0    |
| <b>CHƯƠNG E2. TIÊU CHÍ NHI KHOA</b>                                      |                                               |                                                                                                                     |      |
| 83                                                                       | E2.1                                          | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa                                                              | 0    |

## 2. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

| STT      | PHẦN, MỤC VÀ SỐ LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ      | Số lượng tiêu chí đạt các mức: |       |       |       |       | Điểm trung bình | Số TC áp dụng |
|----------|-----------------------------------------|--------------------------------|-------|-------|-------|-------|-----------------|---------------|
|          |                                         | Mức 1                          | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 |                 |               |
| <b>A</b> | <b>HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)</b>        | 0                              | 1     | 2     | 6     | 9     | 4.28            | 18            |
| A1.      | Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn NB (6)     | 0                              | 0     | 1     | 2     | 3     | 4.33            | 6             |
| A2.      | Điều kiện cơ sở vật chất (5)            | 0                              | 0     | 1     | 2     | 2     | 4.20            | 5             |
| A3.      | Điều kiện chăm sóc người bệnh (2)       | 0                              | 1     | 0     | 0     | 1     | 3.50            | 2             |
| A4.      | Quyền và lợi ích của người bệnh (6)     | 0                              | 0     | 0     | 2     | 3     | 4.60            | 5             |
| <b>B</b> | <b>PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC (14)</b>         | 0                              | 0     | 1     | 5     | 8     | 4.50            | 14            |
| B1.      | Số lượng và cơ cấu nhân lực (3)         | 0                              | 0     | 0     | 0     | 3     | 5.00            | 3             |
| B2.      | Chất lượng nguồn nhân lực (3)           | 0                              | 0     | 0     | 1     | 2     | 4.67            | 3             |
| B3.      | Chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc (4) | 0                              | 0     | 0     | 2     | 2     | 4.50            | 4             |
| B4.      | Lãnh đạo bệnh viện (4)                  | 0                              | 0     | 1     | 2     | 1     | 4.00            | 4             |
| <b>C</b> | <b>HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)</b>        | 1                              | 3     | 10    | 16    | 2     | 3.47            | 32            |
| C1.      | An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2) | 0                              | 0     | 0     | 2     | 0     | 4.00            | 2             |
| C2.      | Quản lý hồ sơ bệnh án (2)               | 0                              | 0     | 0     | 1     | 1     | 4.50            | 2             |
| C3.      | Công nghệ thông tin y tế (2)            | 0                              | 0     | 2     | 0     | 0     | 3.00            | 2             |
| C4.      | Kiểm soát nhiễm khuẩn (6)               | 0                              | 0     | 2     | 1     | 1     | 3.75            | 4             |
| C5.      | Chất lượng lâm sàng (5)                 | 1                              | 0     | 1     | 2     | 0     | 3.00            | 4             |
| C6.      | Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc (3)    | 0                              | 0     | 1     | 2     | 0     | 3.67            | 3             |
| C7.      | Dinh dưỡng và tiết chế (5)              | 0                              | 3     | 0     | 2     | 0     | 2.80            | 5             |
| C8.      | Chất lượng xét nghiệm (2)               | 0                              | 0     | 2     | 0     | 0     | 3.00            | 2             |
| C9.      | Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)   | 0                              | 0     | 1     | 5     | 0     | 3.83            | 6             |
| C10.     | Nghiên cứu khoa học (2)                 | 0                              | 0     | 1     | 1     | 0     | 3.50            | 2             |
| <b>D</b> | <b>CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)</b>         | 0                              | 0     | 3     | 5     | 3     | 4.00            | 11            |
| D1.      | Thiết lập hệ thống và cải tiến (3)      | 0                              | 0     | 0     | 2     | 1     | 4.33            | 3             |
| D2.      | Phòng ngừa sự cố và khắc phục (2)       | 0                              | 0     | 1     | 3     | 1     | 4.00            | 5             |
| D3.      | Đánh giá, đo lường, cải tiến (3)        | 0                              | 0     | 2     | 0     | 1     | 3.67            | 3             |
| <b>E</b> | <b>TIÊU CHÍ CHUYÊN KHOA (4)</b>         | 0                              | 0     | 0     | 0     | 0     | 0               | 0             |



| STT | PHẦN, MỤC VÀ SỐ LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ                                   | Số lượng tiêu chí đạt các mức: |       |       |       |       | Điểm trung bình | Số TC áp dụng |
|-----|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------|-------|-------|-------|-----------------|---------------|
|     |                                                                      | Mức 1                          | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 |                 |               |
| E1. | Tiêu chí sản khoa (3)                                                | 0                              | 0     | 0     | 0     | 0     | 0               | 0             |
| E2. | Tiêu chí nhi khoa (1)                                                | 0                              | 0     | 0     | 0     | 0     | 0               | 0             |
| E   | <b>SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT CÁC MỨC &amp; TỔNG SỐ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG:</b> |                                |       |       |       |       | <b>75/83</b>    |               |
| E   | <b>TỶ LỆ CÁC MỨC ĐẠT ĐƯỢC (%) &amp; ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG</b>        |                                |       |       |       |       | <b>3.86</b>     | <b>100%</b>   |

### 3. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

1. Tổ chức đoàn, tiến độ thời gian và khối lượng công việc đã thực hiện...

Căn cứ Quyết định số 3652/QĐ-BYT ngày 03/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng của người bệnh, nhân viên y tế năm 2024–2025, Bệnh viện Quốc tế Chấn thương chỉnh hình Sài Gòn đã triển khai công tác tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2025 với các nội dung chính sau:

- Đánh giá chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện Việt Nam (phiên bản 2.0) ban hành kèm theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 và Thông tư 35/2024/TT BYT ngày 16/11/2024 quy định tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện.
- Đánh giá mức độ an toàn phẫu thuật theo Quyết định 7482/QĐ-BYT ngày 18/12/2018.

2. Số lượng tiêu chí áp dụng, kết quả đánh giá chung, điểm, số lượng tiêu chí theo các mức, tỷ lệ các mức...

- Số tiêu chí áp dụng: 75 tiêu chí
- Điểm trung bình chung: 3.86

3. Số lượng tiêu chí không áp dụng; mã và tên tiêu chí; lý do không áp dụng.

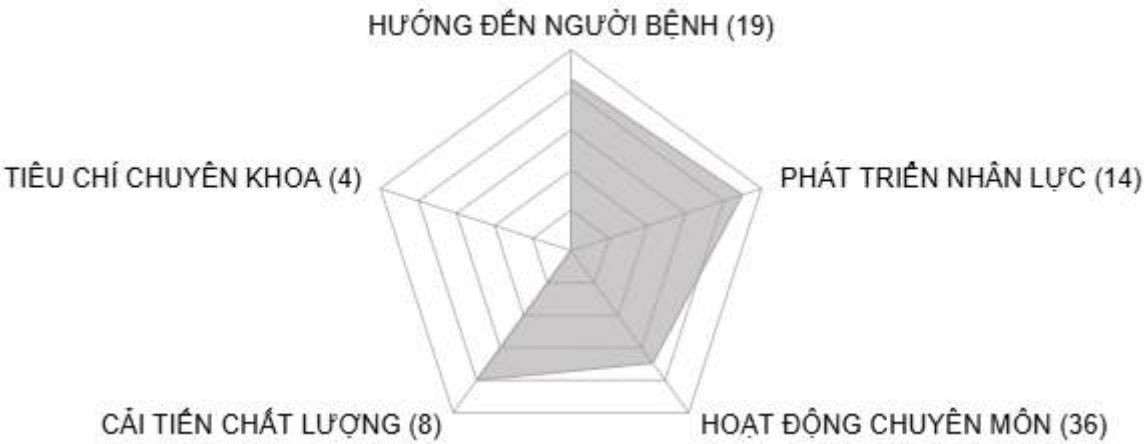
- Số tiêu chí không áp dụng: 8 tiêu chí

| Tiêu chí      | Lý do                                    |
|---------------|------------------------------------------|
| Tiêu chí A4.4 | Bệnh viện tư nhân, không xã hội hóa y tế |

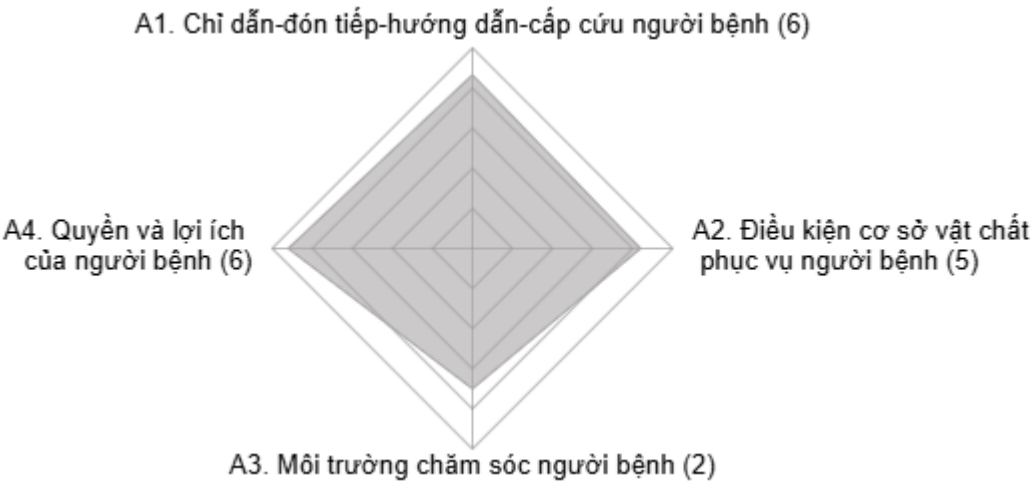
| Tiêu chí                    | Lý do                                                                                                                                                                                   |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí C4.5, C4.6 và C5.1 | Không chấm điểm theo hướng dẫn tại Công văn số 181/KCB-QLCL&CĐT về việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2024-2025 |
| Phần E                      | Bệnh viện chuyên khoa chấn thương chỉnh hình                                                                                                                                            |

#### 4. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần E)



b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)





d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)



e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D4)



## 5. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

### A. Hướng đến người bệnh

- Cơ sở vật chất sạch sẽ, tiện nghi cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc người bệnh; mỗi người bệnh có giường riêng, thiết kế an toàn, thuận tiện sử dụng.
- Công tác tư vấn trước – trong và sau phẫu thuật được thực hiện đầy đủ.

### B. Phát triển nguồn nhân lực

- Bệnh viện có kế hoạch phát triển nhân lực y tế, phù hợp định hướng phát triển.

- Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho người lao động; chú trọng đào tạo liên tục và đào tạo sau đại học.

#### C. Hoạt động chuyên môn

- Hồ sơ bệnh án được lập, quản lý đầy đủ, khoa học; bệnh án điện tử (EMR) đã triển khai đúng tiến độ theo quy định Bộ Y tế (hoàn thành trước 30/9); kho HSBA được sắp xếp 5S, lưu trữ đúng quy định.

- Người bệnh được sàng lọc, đánh giá dinh dưỡng; bệnh nhân nguy cơ được hội chẩn và can thiệp kịp thời.

- Các quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị được rà soát, cập nhật và phổ biến trong sinh hoạt chuyên môn; giám sát tuân thủ được triển khai định kỳ.

- Kiểm soát nhiễm khuẩn: hệ thống quy trình KSNK được xây dựng, ban hành và tổ chức tập huấn. Kiểm soát chặt chẽ việc thuê/mượn dụng cụ. Triển khai hiệu quả chương trình vệ sinh tay, giám sát nhiễm khuẩn vết mổ và quản lý chất thải y tế theo quy định. Trang bị lò hấp chân không thay thế lò hấp trọng lực để đảm bảo chất lượng tiệt khuẩn các dụng cụ

- Xét nghiệm: đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, an toàn sinh học; thực hiện đầy đủ nội kiểm, ngoại kiểm.

#### D. Cải tiến chất lượng và an toàn người bệnh

- Hội đồng QLCL, Tổ và mạng lưới QLCL hoạt động thường xuyên; triển khai các đề án cải tiến chất lượng theo kế hoạch.

- Công tác an toàn phẫu thuật và an toàn người bệnh được chú trọng

### **6. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI**

- Nhân lực: Chưa có phần mềm quản lý đào tạo liên tục (CME).

- Dinh dưỡng: Chưa tổ chức cung cấp suất ăn bệnh lý cho người bệnh.

- Kiểm soát nhiễm khuẩn: Chưa triển khai nghiên cứu khoa học về kiểm soát nhiễm khuẩn và nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Cơ sở hạ tầng:

- + Chưa bố trí nhà vệ sinh dành riêng cho người khuyết tật.

- + Bệnh viện chưa có cửa hàng tiện lợi/siêu thị phục vụ người bệnh và thân nhân.

+ Cơ sở vật chất thay đổi so với biên bản thẩm định dù đã báo cáo Bộ Y tế và Sở Y tế tại công văn số 17/SGITO ngày 27 tháng 05 năm 2023 và công văn số 15/SGITO ngày 17 tháng 05 năm 2025, nhưng chưa làm thẩm định lại theo nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 Nghị định Quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Chất lượng bệnh viện cơ bản: Giấy phép xả thải hết hạn từ 2022, đã nộp hồ sơ và được Sở nông nghiệp và môi trường – TP.HCM tiếp nhận tại hồ sơ số H29.14-260110-100787, hẹn trả kết quả giải quyết ngày 10/02/2026, nhưng chưa nhận được phản hồi.

## **7. KẾT QUẢ TỰ KHẢO SÁT HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ, NGOẠI TRÚ VÀ NHÂN VIÊN Y TẾ**

| # | LOẠI THỐNG KÊ                | 1. PHIẾU KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ (QĐ56) | 2. PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI BỆNH NGOẠI TRÚ (QĐ56) | 3. KHẢO SÁT Ý KIẾN NHÂN VIÊN Y TẾ |
|---|------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Tổng điểm TB người dùng chọn | 4.98                                                    | 4.99                                                 | 4.998                             |
| 2 | Tỷ lệ hài lòng chung         | 100%                                                    | 100%                                                 | 100%                              |

## **8. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**

- Cơ sở vật chất: Bệnh viện gửi hồ sơ về Bộ Y tế để xem xét đối với trường hợp thay đổi so với biên bản thẩm định cấp phép đã được phê duyệt.

- Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép xả thải

## **9. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**

- Bố trí cơ sở hạ tầng phù hợp

- Nộp hồ sơ xin điều chỉnh cơ sở hạ tầng gửi BHYT

- Hoàn tất hồ sơ giấy phép xả thải

- Thời gian dự kiến hoàn tất: Quý 2/2026

## **10. CAM KẾT, QUYẾT TÂM CỦA BỆNH VIỆN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**

Bệnh viện Quốc tế Chấn thương chỉnh hình Sài Gòn cam kết duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh,

nâng cao sự hài lòng của người bệnh và nhân viên y tế thông qua các hoạt động cải tiến liên tục dựa trên đánh giá khách quan và dữ liệu thực tế.

Ngày ..18.. tháng ..02.. năm 2026

**NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN**

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN**

(ký tên)

(ký tên và đóng dấu)



**Nguyễn Ái Nữ**

**Nguyễn Thành Tâm**

## 10. PHỤ LỤC CỦA BÁO CÁO

| STT | Thông tin                                                                                               | Phần điền của bệnh viện<br>(nếu không có thông tin ghi rõ chữ<br><i>không có</i> ) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Địa chỉ đầy đủ<br>(ghi toàn bộ nếu có từ 2 cơ sở trở lên)                                               | 305 Lê Văn Sỹ, phường Tân Sơn<br>Hòa, TP. Hồ Chí Minh                              |
| 3   | Địa chỉ tọa độ GPS của cổng chính<br>(sử dụng điện thoại thông minh để xác định)                        | Kinh độ: 106.6672217<br>Vĩ độ: 10.7949426                                          |
| 2   | Số điện thoại liên lạc của bệnh viện                                                                    | 028 3991 2030                                                                      |
| 3   | Số điện thoại đường dây nóng                                                                            | 0918474716                                                                         |
| 4   | Địa chỉ trang điện tử (website), (nếu có)                                                               | <a href="https://www.saigonitohospital.com">https://www.saigonitohospital.com</a>  |
| 5   | Câu khẩu hiệu ngắn của bệnh viện, nếu đã xây<br>dựng và công bố (slogan)                                | Lắng nghe & Phục vụ                                                                |
| 6   | Liệt kê tối đa 5 lĩnh vực hoặc chuyên khoa mũi<br>nhọn của bệnh viện có chất lượng lâm sàng tốt<br>nhất | Chuyên khoa Chấn thương chỉnh<br>hình                                              |
| 7   | Liệt kê tối đa 5 danh hiệu hoặc phần thưởng cao<br>nhất của bệnh viện đã đạt được                       |                                                                                    |

1. Quyết định của bệnh viện thành lập đoàn tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện.
2. Danh sách phân công thành viên.

## 11. DANH SÁCH PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN ĐOÀN TỰ KIỂM TRA

| Nhóm               | Mã số các tiêu chí được phân công | Họ và tên             | Chức danh và nơi công tác          | Số ĐT      | Đã học về QLCL |
|--------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------|----------------|
| <b>Trưởng đoàn</b> |                                   | Nguyễn Thành Tâm      | Giám đốc bệnh viện                 | 0918474716 | 3              |
| <b>Phó đoàn</b>    |                                   | Nguyễn Thị Lan Hương  | Phó Giám đốc                       | 0903681073 | 1              |
| <b>Thư ký</b>      |                                   | Nguyễn Ái Nữ          | Tổ trưởng Tổ Quản lý chất lượng    | 0923273618 | 3              |
| Nhóm 1             | <b>A1, C10</b>                    | Bùi Đức Lượng         | Phó khoa Khám bệnh                 | 0977330887 | 3              |
|                    |                                   | Phan Thị Hồng Thi     | Điều dưỡng trưởng khoa Khám bệnh   | 0907917123 | 1              |
| Nhóm 2             | <b>A2, A3, A4.1, A4.2</b>         | Nguyễn Sỹ Lập         | Trưởng khoa Điều trị               | 0937787475 | 3              |
|                    |                                   | Trương Thị Thanh Bình | Điều dưỡng trưởng khoa Điều trị    | 0976146023 | 1              |
| Nhóm 3             | <b>A4.3</b>                       | Lâm Thị Thục Quyên    | Trưởng phòng Tài chính kế toán     | 0909384974 |                |
| Nhóm 4             | <b>A4.5, A4.6</b>                 | Lê Thị Thịnh          | Ban Chăm sóc khách hàng            | 0975018480 | 1              |
| Nhóm 5             | <b>B1, B2, B3</b>                 | Hà Thị Kim Cương      | Trưởng phòng Quản trị nhân sự      | 0908412160 | 1              |
| Nhóm 6             | <b>B4</b>                         | Nguyễn Thành Tâm      | Giám đốc bệnh viện                 | 0918474716 | 3              |
|                    |                                   | Nguyễn Thị Xuân Hương | Nhân viên phòng Quản trị nhân sự   | 0907283198 | 3              |
| Nhóm 7             | <b>C1</b>                         | Viên Đình Lại         | Nhân viên phòng Quản trị nhân sự   | 0948797733 |                |
| Nhóm 8             | <b>C2</b>                         | Phạm Thị Thơm         | Nhân viên phòng Kế hoạch tổng hợp  | 0978257037 |                |
| Nhóm 9             | <b>C3</b>                         | Phạm Văn Tài          | Tổ IT                              | 0918999893 |                |
| Nhóm 10            | <b>C4</b>                         | Dương Thị Lại         | Tổ trưởng Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn | 0939666860 | 3              |
|                    |                                   | Nguyễn Thanh Vương    | Nhân viên phòng Quản trị nhân sự   |            |                |
| Nhóm 11            | <b>C5</b>                         | Đỗ Thu Hà             | Phó phòng Kế hoạch tổng hợp        | 0978526090 |                |
| Nhóm 12            | <b>C6, D2.4, D2.5</b>             | Nguyễn Thị Trung      | Trưởng phòng Điều dưỡng            | 0919653166 | 1              |
| Nhóm 13            | <b>C7</b>                         | Trương Thị Xuân Lan   | Tổ trưởng Tổ dinh dưỡng            | 0707803957 |                |
| Nhóm 14            | <b>C8</b>                         | Nguyễn Văn Đủ         | Phụ trách phòng xét nghiệm         | 0937033755 |                |
| Nhóm 15            | <b>C9</b>                         | Nguyễn Uy Hùng        | Phó khoa Dược                      | 0977104448 |                |

| Nhóm                                                 | Mã số các tiêu chí được phân công | Họ và tên             | Chức danh và nơi công tác             | Số ĐT      | Đã học về QLCL |
|------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------|----------------|
| Nhóm 16                                              | <b>D1, D2.1, D2.2, D2.3, D3</b>   | Nguyễn Ái Nữ          | Tổ trưởng Tổ Quản lý chất lượng       | 0923273618 | 3              |
|                                                      |                                   | Trịnh Tấn Thìn        | Trưởng khoa Gây mê hồi sức            |            | 3              |
|                                                      |                                   | Đỗ Thị Bé Một         | Điều dưỡng trưởng khoa Gây mê hồi sức |            | 3              |
| Nhóm 17: Khảo sát hài lòng người bệnh nội, ngoại trú |                                   | Lê Thị Thịnh          | Ban Chăm sóc khách hàng               | 0975018480 | 3              |
| Nhóm 18: Khảo sát hài lòng nhân viên y tế            |                                   | Nguyễn Thị Xuân Hương | Nhân viên phòng Quản trị nhân sự      | 0907283198 | 3              |

**\* Cột tập huấn, chứng chỉ, chứng nhận về QLCL điền số từ 0 đến 6 theo các mã sau: (có thể điền 1 hoặc nhiều số nếu có):**

| Mã số | Chứng chỉ, chứng nhận về Quản lý chất lượng                                                                                                                |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 0     | Chưa học QLCL, không có chứng chỉ, chứng nhận về QLCL                                                                                                      |
| 1     | Đã học lớp Quản lý chất lượng do Bộ Y tế tổ chức (từ 3 ngày trở lên)                                                                                       |
| 2     | Đã học lớp Quản lý bệnh viện do Bộ Y tế tổ chức, có nội dung quản lý chất lượng                                                                            |
| 3     | Đã học nội dung quản lý chất lượng lồng ghép trong các lớp Quản lý bệnh viện, quản lý điều dưỡng... Lớp do các đơn vị được cấp mã đào tạo liên tục tổ chức |
| 4     | Đã học Quản lý chất lượng do bệnh viện tự tổ chức hoặc các đơn vị trong, ngoài ngành y tế tổ chức (không có mã đào tạo liên tục)                           |
| 5     | Đã học Quản lý chất lượng tại các khóa học ở nước ngoài                                                                                                    |
| 6     | Đã tham gia Hội nghị quốc gia về quản lý chất lượng bệnh viện do Bộ Y tế tổ chức hoặc các hội thảo, hội nghị khác chuyên sâu về quản lý chất lượng         |
| 7     | Có chứng chỉ đánh giá viên quốc tế hoặc trong nước về đánh giá chất lượng                                                                                  |